TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **196**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/6/2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa - Cán bộ hưu trí;

2. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 3327/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2023/QĐHPT-HNGĐST ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1981;

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: Tổ 35, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

Địa chỉ tạm trú: Số nhà 25/59, tổ 5, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/05/2023, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn với nhau vào ngày 20/07/2004, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh N. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống; Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên vợ chồng bà đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng tất cả đều không có kết quả. Do đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục sống với nhau được nữa nên bà đã suy nghĩ rất kỹ để đi đến quyết định ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Bà xác định có 02 con chung tên Trần Thị Hồng N, sinh ngày 09/04/2005, Trần Đức T, sinh ngày 02/11/2006. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T; Tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được tống đạt giấy triệu tập và các văn bản theo trình tự tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng vì đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Văn H và đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà H là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, con chung".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Qua xác minh tại địa phương, ông Trần Văn H có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về thủ tục tố tụng khác*: Bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, còn bị đơn ông Trần Văn H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Trần Thị H và ông Trần Văn H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 20/07/2004. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà H và ông H là hợp pháp.

Bà H khai sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn, không còn quan tâm nhau.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 05 tháng 4 năm 2023, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ xác định không có biết mâu thuẫn của bà H và ông H vì các đương sự không trình báo, không yêu cầu hòa giải. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho ông H nhưng ông H không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa xét xử. Điều này chứng tỏ ông H đã không còn thiết tha, không còn quan tâm và mặc kệ quan hệ hôn nhân với bà H. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông H là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H được ly hôn ông H là phù hợp.

Về con chung: Bà H xác định có 02 con chung tên Trần Thị Hồng N, sinh

ngày 09/04/2005 và Trần Đức T, sinh ngày 02/11/2006. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T; Tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy, cháu T từ nhỏ đã sinh sống cùng mẹ, bà H có công việc, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng cháu T ; Cháu T cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng bà H. Vì vậy, để tránh ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày và học tập của cháu T nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nên ghi nhận, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông H không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến nên không đủ cơ sở xác định đối với phần tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, đối với phần tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn H.

Cho bà Trần Thị H được ly hôn ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đức T, sinh ngày 02/11/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn, ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Đồng thời, ông H vắng mặt không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005153 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H, ông Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND xã/phường nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hòa